

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

### QUYỂN XXXV

#### Phẩm 25: KIỀU TRẦN NHƯ 1

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Kiều-trần-như:

–Sắc là vô thường. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát thường trụ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Do diệt thức này nên chứng được thức giải thoát thường trụ. Đây Kiều-trần-như! Sắc tức là khổ. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát an lạc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc tức là không. Do diệt sắc không này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc là vô ngã. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát chân ngã. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc là bất tịnh. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc là tướng của sinh, già, bệnh, chết. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải tướng của sinh, già, bệnh, chết. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc là nhân của vô minh. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải nhân của vô minh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Cho đến sắc là sinh nhân. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải sinh nhân. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc là nhân của bốn điên đảo. Do diệt sắc điên đảo này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải nhân của bốn điên đảo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc là nhân của vô lượng pháp ác như là thân trai gái, thực ái, dục ái, tham, sân, si, ganh ghét, tâm keo kiệt, tâm

ác, đoàn thực, thức thực, tư thực, xúc thực, noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, năm dục, năm cái v.v... Những pháp như vậy đều do nơi sắc. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát không có vô lượng những ác như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc tức là trói buộc. Do diệt sắc trói buộc này nên chứng được sắc giải thoát không trói buộc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc tức là chuyển động. Do diệt sắc chuyển động này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải chuyển động. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc chẳng phải quy y. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát quy y. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc là ghê lở. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát không ghê lở. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Sắc chẳng phải là tịch tĩnh. Do diệt sắc này nên chứng được sắc Niết-bàn tịch tĩnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây Kiều-trần-như! Nếu có người có thể biết như vậy thì gọi là Sa-môn, gọi là Bà-la-môn, đầy đủ pháp Sa-môn, Bà-la-môn. Đây Kiều-trần-như! Nếu lìa khỏi pháp Phật thì không có Sa-môn và Bà-la-môn, cũng không có pháp Sa-môn, Bà-la-môn. Tất cả ngoại đạo hư dối trá xứng đều là hạnh không thật. Tuy họ tạo tác tướng mạo nói có hai thứ này, nhưng thật không có điều đó. Vì sao? Vì nếu không có pháp Sa-môn, Bà-la-môn thì sao mà nói có Sa-môn và Bà-la-môn? Ta thường ở trong đại chúng này phát ra tiếng oai hùng như tiếng rống sư tử. Các người cũng phải ở trong đại chúng cũng phát ra tiếng như tiếng rống sư tử.

Bấy giờ, có vô lượng người ngoại đạo nghe lời nói đó rồi lòng sinh ra sân hận nói: “Ông Cù-đàm nay nói trong chúng của chúng ta không có Sa-môn và Bà-la-môn, cũng không có pháp Sa-môn, Bà-la-môn thì chúng ta phải làm sao thiết lập phương tiện rộng rãi để nói với Ông Cù-đàm rằng, trong chúng của chúng ta cũng có Sa-môn, có pháp Sa-môn, có Bà-la-môn, có pháp Bà-la-môn”. Trong chúng đó có một Phạm chí nói như vậy: “Thưa các vị! Lời nói của Ông Cù-đàm như lời cuồng điên không khác, sao có thể kiểm nghiệm? Người cuồng của thế gian hoặc ca, hoặc múa, hoặc khóc,

hoặc cười, hoặc mắng, hoặc khen ngợi, đối với người thân kẻ oán đã chẳng thể phân biệt. Ông Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, hoặc nói ta sinh ở nhà vua Tịnh Phạm, hoặc nói chẳng sinh, hoặc nói sinh rồi đi bảy bước, hoặc nói chẳng đi, hoặc nói từ nhỏ học tập thế sự, hoặc nói ta là người Nhất thiết trí, hoặc khi ở cung hưởng lạc sinh con, hoặc khi chán ghét thì chê là xấu xa thấp hèn, hoặc khi gần gũi tu khổ hạnh sáu năm, hoặc khi chê trách ngoại đạo khổ hạnh, hoặc nói từ ông Uất-đầu-lam-phất, ông A-la-la v.v... nhận được điều chưa nghe, hoặc khi nói những ông ấy không có sự hiểu biết, hoặc khi nói nơi cây Bồ-đề được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc khi nói ta chẳng đến cây, không đạt được gì, hoặc khi nói thân này của ta hôm nay tức là Niết-bàn, hoặc nói thân diệt mới là Niết-bàn. Lời nói của Ông Cù-đàm như cuồng điên không khác thì tại sao vì những lời này mà buồn lo bối rối?”. Các Bà-la-môn liền đáp: “Thưa Đại sĩ! Chúng tôi hôm nay sao chẳng buồn được? Ông Sa-môn Cù-đàm trước đây khi xuất gia rồi, nói vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Các đệ tử của chúng ta nghe được sinh ra sợ hãi thì làm sao chúng sinh vô thường, khổ, không, vô ngã, bất thiện mà chẳng thọ nhận lời nói của ông ấy? Hôm nay Ông Cù-đàm lại đến rừng Ta-la này vì những đại chúng nói pháp có thường, lạc, ngã, tịnh. Các đệ tử của chúng ta nghe lời này rồi đều bỏ chúng ta mà đi, thọ nhận lời nói của Ông Cù-đàm. Do những nhân duyên đó nên chúng tôi sinh ra sầu khổ lớn”. Bấy giờ lại có một Bà-la-môn nói: “Thưa các vị! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Sa-môn Cù-đàm gọi là tu từ bi. Lời nói này hư vọng chẳng phải chân thật. Nếu có từ bi thì làm sao dạy các đệ tử của chúng ta tự thọ pháp của ông ta? Từ bi đúng là thuận theo ý người khác, nay lại trái ý nguyện của chúng ta thì sao nói rằng có? Nếu có người nói, Sa-môn Cù-đàm chẳng bị nhiễm tám pháp của thế gian thì đó cũng là lời hư vọng. Nếu nói Cù-đàm thiếu dục tri túc thì hôm nay sao lại đoạt lấy lợi ích của chúng ta? Nếu nói dòng họ là thượng tộc thì đó cũng là hư vọng. Vì sao? Vì từ xưa đến nay chẳng thấy chẳng nghe đại sư tử chúa tàn hại loài chuột nhắt. Nếu giả sử Cù-đàm là dòng giống trên thì làm sao hôm nay lại náo loạn chúng ta? Nếu nói Cù-đàm đủ thế lực lớn thì đó cũng là hư vọng. Vì sao?

Vì từ xưa đến nay cũng chẳng thấy nghe chim cánh vàng chúa cùng với quạ tranh nhau. Nếu nói lực ông ấy lớn thì lại vì việc gì cùng với chúng ta tranh giành? Nếu nói Cù-đàm đủ tha tâm trí thì đó cũng là hư vọng. Vì sao? Vì nếu đủ trí này thì vì nhân duyên gì chẳng biết lòng chúng ta? Thưa các vị! Tôi, khi xưa đã từ người trí tuệ kỳ cựu, nghe nói việc này, qua trăm năm rồi thì có một kẻ yêu huyền xuất hiện, tức là Ông Cù-đàm. Như vậy kẻ yêu mị huyền hoặc hôm nay đang ở trong rừng Ta-la này sắp diệt chẳng lâu nữa. Các vị hôm nay chẳng nên sầu não”.

Lúc ấy lại có Ni-kiền-tử đáp: “Thưa các vị! Tôi nay sầu khổ chẳng phải vì tự thân chẳng được sự cúng dường của đệ tử mà chỉ vì thế gian tối tăm không có mắt, chẳng nhận thức được ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, xả bỏ những vị Bà-la-môn trí tuệ kỳ cựu, cúng dường cho hạng thiếu niên nên lấy làm buồn. Ông Sa-môn Cù-đàm biết cả chú thuật, nhân lực của chú thuật có thể khiến cho một thân làm ra vô lượng thân rồi khiến cho vô lượng thân trở lại thành một thân, hoặc dùng thân mình hóa làm hình dáng nam, nữ, bò, dê, voi, ngựa. Sức của tôi có thể tiêu diệt thứ chú thuật như vậy. Chú thuật của ông Sa-môn Cù-đàm đã diệt rồi thì chúng ta sẽ trở lại được nhiều sự cúng dường hưởng thụ an lạc”. Bấy giờ, lại có một người Bà-la-môn nói: “Thưa các vị! Sa-môn Cù-đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Vậy quý vị chẳng nên cùng ông ấy đấu tranh”. Đại chúng đáp: “Này người ngu si! Sao nói Sa-môn Cù-đàm đầy đủ công đức lớn? Ông ấy sinh ra được bảy ngày thì mẹ mạng chung, đó có thể được gọi là tướng phước đức sao?”. Vị Bà-la-môn đáp: “Khi bị mắng chửi sân hận, khi bị đánh chửi đánh lại thì phải biết là người đó có tướng phước đức lớn. Thân ông ấy đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và vô lượng thần thông. Vậy phải biết đó là tướng phước đức. Lòng không kiêu mạn, có ý thăm hỏi trước, lời nói dịu dàng, chưa từng thô tháo, tuổi tác ý chí đều mạnh mẽ, lòng chẳng bạo ngược, vương quốc nhiều của cải mà không có sự luyến ái, bỏ hết tất cả mà xuất gia như nhổ bỏ nước dãi. Vậy nên tôi nói Sa-môn Cù-đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức”. Đại chúng đáp: “Hay thay! Sa-môn Cù-đàm thật đúng như lời

ông ta nói, thành tựu vô lượng thần thông biến hóa, chúng ta chẳng cùng với ông ấy thi đấu việc này được. Sa-môn Cù-đàm bầm tánh mềm yếu, chẳng kham khổ hạnh, sinh trưởng ở thâm cung, chẳng nắm được việc bên ngoài. Ông ấy chỉ có thể dùng lời nói dịu ngọt, chứ chẳng biết kỹ nghệ, thư tịch, nghị luận... Hãy mời ông ấy cùng biện luận tường tận điều cốt yếu của chánh pháp. Ông ấy nếu thắng tôi thì tôi sẽ làm người hầu cho ông ấy. Nếu tôi thắng ông ấy thì ông ấy sẽ làm người hầu cho tôi”.

Bấy giờ, có ngoại đạo nhiều vô lượng cùng nhau đồng lòng kéo đến chỗ của A-xà-thế, vua nước Ma-già-đà. Nhà vua thấy họ liền hỏi: “Này các vị! Các vị ai cũng đều tu tập Thánh đạo, là người xuất gia, lìa bỏ của cải và việc tại gia, dân chúng của nước ta đều chung cúng dường, cung kính chiêm ngưỡng, không hề xúc phạm thì vì sao các vị cùng nhau đồng lòng kéo đến đây? Này các vị! Các vị đều thọ pháp khác, giới khác, xuất gia chẳng đồng. Các vị ai cũng tự theo giới pháp, xuất gia tu đạo mà vì nhân duyên gì hôm nay cùng nhau đồng một lòng giống như lá rụng cuốn theo chiều gió tụ về một chỗ? Hãy nói vì nhân duyên gì mà các vị đi đến đây? Ta thường ủng hộ người xuất gia, thậm chí chẳng tiếc thân cùng mạng”. Bấy giờ, tất cả các chúng ngoại đạo đều nói: “Tâu đại vương! Xin đại vương hãy lắng nghe! Đại vương, hôm nay chính là cây cầu của đại pháp, là viên đá mài đại pháp, là cái cấp của đại pháp tức là khí cụ của tất cả công đức, tánh chân thật của tất cả công đức, đường lối của chánh pháp, tức là ruộng tốt của hạt giống, căn bản của tất cả đất nước, gương sáng của tất cả đất nước, hình tượng của tất cả chư Thiên, cha mẹ của tất cả người trong nước. Tâu đại vương! Kho tàng công đức của tất cả thế gian tức là thân của nhà vua. Vì sao? Gọi là kho công đức là vì nhà vua quyết đoán việc nước chẳng lựa kẻ oán người thân. Lòng đại vương bình đẳng như đất, nước, gió, lửa. Vậy nên gọi vua là kho công đức. Tâu đại vương! Chúng sinh hiện tại tuy thọ mạng ngắn ngủi, nhưng công đức của vua thì như của các vua thời sống lâu an lạc thuở xưa. Đại vương cũng như vua Đảnh Sinh, vua Thiện Kiến, vua Nhẫn Nhục, vua Na-hầu-sa, vua Da-da-đế, vua Thi-tỳ, vua Nhất-xoa-cưu v.v... những vị vua như vậy đầy đủ pháp thiện. Đại

vương hôm nay cũng như vậy. Tâu đại vương! Nhờ vua nên đất nước an lạc, dân chúng đông đúc nên người xuất gia hâm mộ ưa thích đất nước này, trì giới tinh tấn tu tập chánh đạo. Tâu đại vương! Trong kinh của chúng tôi nói, nếu người xuất gia theo đất nước mình ở mà trì giới tinh tấn, siêng tu chánh đạo thì vua nước ấy cũng có phần tu thiện. Tâu đại vương! Tất cả đạo tặc, nhà vua đã dẹp yên, người xuất gia đều không có gì kinh sợ. Nay đây chỉ có một người đại ác là Sa-môn Cù-đàm. Nhà vua chưa xét đến, chúng tôi rất sợ. Người ấy tự cậy vào dòng giống hào tộc và sắc thân đầy đủ, lại do quả báo bố thí đời quá khứ được nhiều sự cúng dường, ông ấy ỷ thị vào những việc này mà sinh ra đại kiêu mạn, hoặc dựa vào chú thuật mà sinh kiêu mạn. Do nhân duyên đó nên chẳng thể tu khổ hạnh mà thâm nhận chứa chấp đồ tế huyễn, y phục, ngọa cụ. Vậy nên tất cả người ác của thế gian vì lợi dưỡng nên đến tụ tập ở chỗ ông ấy làm quyến thuộc, chẳng thể tu khổ hạnh. Nhờ sức chú thuật nên điều phục được ông Ca-diếp, ông Xá-lợi-phất và ông Mục-kiền-liên. Hôm nay ông ấy lại đến chỗ trú xứ của chúng tôi trong rừng Ta-la, tuyên nói, thân này thường, lạc, ngã, tịnh để dụ dỗ các đệ tử của chúng tôi. Tâu đại vương! Sa-môn Cù-đàm trước nói vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh thì chúng tôi có thể nhịn được. Nhưng nay ông tuyên nói thường, lạc, ngã, tịnh thì chúng tôi thật chẳng nhịn được. Xin đại vương cho phép tôi cùng Sa-môn Cù-đàm kia luận nghị”. Nhà vua liền đáp: “Này các Đại sĩ! Các ông hôm nay bị ai xúi giục dẫn dắt mà khiến cho tâm mình cuồng loạn bất định như nước nổi ba đào, như vòng lửa xoay, như vượn khỉ chuyền càn? Việc này đáng xấu hổ! Kẻ trí nếu nghe được tức thời sinh thương xót, kẻ ngu nghe được liền sinh ra chê cười. Lời các ông nói ra chẳng phải tướng xuất gia. Các ông nếu bị bệnh phong hoàng thủy hoạn thì ta đều có thuốc có thể trị liệu cho. Còn như các ông bị quỷ bệnh thì gia huynh là Kỳ-bà có thể trị khỏi được. Các ông hôm nay muốn dùng móng tay bào mòn núi Tu-di, muốn dùng răng miệng cắn vỡ kim cương. Này các Đại sĩ! Ví như người ngu thấy sư tử chúa đọi nằm ngủ mà muốn đánh thức nó dậy, như người dùng ngón tay đặt vào miệng rắn độc, như người muốn lấy tay sờ trong đám tro phủ trên lửa. Các ông hôm nay cũng như vậy.

Này các Đại sĩ! Ví như con cáo hoang làm tiếng rống sư tử, giống như con muỗi cùng với chim cánh vàng thi đấu đi mau chậm, như con thỏ qua biển muốn lặn đến tận đáy biển. Các ông hôm nay cũng như vậy. Các ông nếu mơ thấy thắng Sa-môn Cù-đàm thì giấc mơ này cuồng hoặc chưa đáng tin. Này các Đại sĩ! Các ông hôm nay dấy lên ý này, giống như loài phù du gieo mình vào đám lửa lớn. Các ông theo lời nói của ta chẳng cần nói nữa. Các ông tuy khen ta bình đẳng như cái cân nhưng chớ để cho người ngoài nghe lời nói này”. Bấy giờ ngoại đạo lại nói: “Tâu đại vương! Sa-môn Cù-đàm đã làm huyền thuật đến bên đại vương chưa mà khiến cho lòng đại vương nghi ngờ chẳng tin những Thánh nhân này? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nên khinh miệt các vị Đại sĩ như vậy. Tâu đại vương! Vầng trăng kia tăng giảm, vị mặn của biển cả, núi Ma-la-diên, những việc như vậy là sự tạo tác của ai? Lẽ nào chẳng phải là Bà-la-môn chúng tôi sao? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nghe vị tiên A-kiệt-đa, trong mười hai năm, chặn đứng nước của sông Hằng trong tai sao? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nghe vị tiên nhân Cù-đàm đại hiện thần thông, trong mười hai năm, biến làm thân Đế thích, đồng thời khiến cho thân Đế thích trở thành hình dáng con dê đực và làm ra một ngàn nữ căn trên thân Đế thích sao? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nghe tiên nhân Kỳ-nậu, trong một ngày, uống cạn nước bốn biển khiến cho đại địa khô cạn sao? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nghe tiên nhân Bà tẩu vì trời Tự Tại làm ba con mắt sao? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nghe tiên nhân La-la biến thành Ca-phú-la trở thành vùng đất mặn sao? Tâu đại vương! Trong hàng Bà-la-môn có những vị tiên lực lớn như vậy v.v... hiện có thể kiểm nghiệm. Tâu đại vương! Tại sao đại vương khinh miệt chúng tôi như vậy?”. Nhà vua đáp: “Này các vị! Nếu các vị chẳng tin và muốn làm gì thì Đức Như Lai Chánh Giác nay ở gần đây, tại trong rừng Ta-la, các ông có thể đến tùy ý vấn nạn. Đức Như Lai cũng sẽ vì các ông mà phân biệt, trả lời vừa ý của các ông.

Bấy giờ, vua A-xà-thế cùng các ngoại đạo và đồ chúng, quyến thuộc của họ đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt làm lễ, đi quanh bên phải ba vòng, lễ kính đã xong, lui đứng một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những ngoại đạo này muốn được tùy ý vấn nạn. Cúi xin Như Lai tùy ý đáp lại họ.

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Được rồi! Ta tự biết lúc.

Bấy giờ, trong chúng hội có Bà-la-môn tên là Xà-đề-thủ-na nói:

–Thưa Ngài Cù-đàm! Ông nói Niết-bàn là pháp thường, lạc, ngã, tịnh chăng?

–Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa đại Bà-la-môn!

Vị Bà-la-môn nói:

–Thưa Ngài Cù-đàm! Nếu nói Niết-bàn thường thì nghĩa đó chẳng đúng. Vì sao? Vì pháp của thế gian thì từ hạt sinh ra quả, nối tiếp nhau chẳng đoạn dứt như từ bùn làm ra bình, từ lụa được áo. Sa-môn Cù-đàm thường nói tu tưởng vô thường chứng được Niết-bàn. Nhân là vô thường thì quả làm sao mà thường được? Sa-môn Cù-đàm lại nói, giải thoát dục tham tức là Niết-bàn, giải thoát sắc tham và vô sắc tham tức là Niết-bàn, diệt tất cả phiền não như vô minh v.v... tức là Niết-bàn. Từ dục cho đến vô minh phiền não đều là vô thường. Nhân là vô thường thì Niết-bàn đạt được lẽ ra cũng vô thường. Sa-môn Cù-đàm lại nói, từ nhân nên sinh lên trời, từ nhân nên đọa vào địa ngục, từ nhân nên được giải thoát. Vậy nên các pháp đều từ nhân sinh ra. Nếu từ nhân nên được giải thoát thì vì sao nói là thường? Sa-môn Cù-đàm cũng nói, sắc từ duyên sinh nên gọi là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Như vậy, giải thoát nếu là sắc thì phải biết nó là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu lìa năm ấm có giải thoát, thì phải biết tức là hư không. Nếu là hư không thì chẳng được nói, từ nhân duyên sinh. Vì sao? Vì là thường, là một mà cùng khắp tất cả chỗ. Sa-môn Cù-đàm cũng nói từ nhân sinh tức là khổ. Nếu là khổ thì sao lại nói giải thoát là vui? Sa-môn Cù-đàm lại nói, vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, vô ngã thì là bất tịnh. Tất cả các pháp sinh ra từ nhân đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh thì sao lại nói Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh? Nếu Sa-môn Cù-đàm nói cũng



thường, cũng vô thường, cũng khổ cũng lạc, cũng ngã, cũng vô ngã, cũng tịnh và cũng bất tịnh thì như vậy lẽ nào chẳng phải là lời nói hàng hai sao? Tôi cũng từng từ người trí kỳ cựu trước đây nghe nói đến lời nói này: Phật nếu ra đời thì lời nói không hai. Sa-môn Cù-đàm hôm nay nói lời nói hàng hai, lại còn nói Phật tức là thân ta đó vậy. Ý nghĩa này ra sao?

Đức Phật dạy:

–Này Bà-la-môn! Như lời ông nói, Ta nay hỏi ông thì ông cứ theo ý của mình mà trả lời.

Bà-la-môn nói:

–Hay thay! Thưa Cù-đàm!

Đức Phật nói:

–Này Bà-la-môn! Tánh của ông thường hay vô thường?

Bà-la-môn đáp:

–Tánh của tôi là thường.

–Này Bà-la-môn! Tánh đó có thể tạo tác nhân của tất cả pháp nội ngoại chăng?

–Đúng vậy! Thưa Cù-đàm!

Đức Phật nói:

–Này Bà-la-môn! Sao gọi là tác nhân?

–Thưa Ngài Cù-đàm! Từ tánh sinh ra đại, từ đại sinh ra mạn, từ mạn sinh ra mười sáu pháp. Đó là: đất, nước, gió, lửa, không; năm trí căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; năm nghiệp căn: tay, chân, miệng, tiếng, nam nữ hai căn; tâm bình đẳng căn. Mười sáu pháp đó từ năm pháp sinh ra là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Căn bản của hai mươi một pháp này có ba: Một là nhiễm, hai là thô, ba là đen. Nhiễm gọi là ái, thô gọi là sân, đen gọi là vô minh. Này Sa-môn Cù-đàm! Hai mươi bốn pháp này đều nhân tánh sinh ra.

–Này Bà-la-môn! Những pháp như đại v.v... thường hay vô thường?

–Thưa Cù-đàm! Theo giáo pháp của tôi thì tánh là thường, còn các pháp như đại v.v... đều vô thường.

–Này Bà-la-môn! Như trong pháp của ông thì nhân thường mà quả vô thường. Nhưng trong pháp của Ta nhân tuy vô thường nhưng quả là thường thì có gì lỗi? Này Bà-la-môn! Trong pháp của các ông có hai nhân chăng?

Đáp:

–Có.

Đức Phật hỏi:

–Cái gì là hai?

Bà-la-môn đáp:

–Một là sinh nhân, hai là liễu nhân.

Đức Phật hỏi:

–Thế nào là sinh nhân? Thế nào là liễu nhân?

Bà-la-môn đáp:

–Sinh nhân thì như đất bùn làm ra cái bình. Liễu nhân thì như đèn soi vật.

Đức Phật nói:

–Tánh của hai thứ nhân này là một. Nếu là một thì có thể khiến cho sinh nhân làm liễu nhân và có thể khiến cho liễu nhân làm sinh nhân chăng?

–Thưa Ngài Cù-đàm! Không!

Đức Phật nói:

–Nếu sinh nhân chẳng làm liễu nhân và liễu nhân làm sinh nhân thì có thể nói là tướng của nhân không?

Bà-la-môn đáp:

–Tuy hai nhân không tương tác nhưng có tướng của nhân.

–Này Bà-la-môn! Cái mà liễu nhân biết có đồng với biết chăng?

–Chẳng đồng! Thưa Ngài Cù-đàm!

Đức Phật nói:

–Pháp của Ta tuy từ vô thường chứng được Niết-bàn mà chẳng phải vô thường. Này Bà-la-môn! Niết-bàn được từ liễu nhân nên thường, lạc, ngã, tịnh, còn cái được từ sinh nhân nên vô thường, vô

lạc, vô ngã, vô tịnh. Vậy nên lời nói của Như Lai có sai khác. Tuy có nói sai khác như thế nhưng không có sự sai khác. Vậy nên Như Lai không nói hàng hai. Như lời ông nói, từng nghe từ bên những người trí kỳ cựu trước, Phật ra đời không có lời nói hàng hai, lời nói này hay lắm. Lời nói của tất cả các Đức Phật ba đời mười phương không sai khác. Vậy nên nói, lời của Phật không hai. Không sai là sao? Là có thì nói có, không thì nói không, nên gọi là đồng một nghĩa. Nay Bà-la-môn! Như Lai Thế Tôn tuy nói sai khác nhưng được hiểu là một. Sao nói là hai mà hiểu là một? Như mắt thấy sắc là hai, sinh ra thức là một, cho đến ý và pháp cũng như vậy.

Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài khéo có thể phân biệt nghĩa của lời nói như vậy mà tôi nay chưa hiểu phát ra hai lời mà hiểu một lời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền vì ông ấy tuyên nói pháp bốn chân đế:

–Này Bà-la-môn! Khổ đế thì cũng hai cũng một, cho đến đạo đế cũng hai cũng một.

Bà-la-môn bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con đã biết rồi.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Biết như thế nào?

Vị Bà-la-môn bạch:

–Bạch Thế Tôn! Khổ đế thì tất cả phàm phu hai, Thánh nhân một, cho đến đạo đế cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Ông đã hiểu rồi.

Vị Bà-la-môn bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay nghe pháp rồi, được chánh kiến. Hôm nay con quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi xin đấng Đại Từ cho con xuất gia.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo ông Kiều-trần-như:

–Ông nên vì ông Xà-đề-thủ-na này cạo bỏ râu tóc, cho ông ấy

xuất gia.

Kiều-trần-như liền vâng lời dạy bảo của Đức Phật, vì ông ấy xuống tóc. Khi ông Kiều-trần-như xuống tóc thì có hai thứ rơi xuống theo: Một là râu tóc, hai là phiền não. Tức thời ở tại chỗ ngồi ông Xà-đề-thủ-na đắc quả A-la-hán.

Lại có Phạm chí họ Bà-tư-tra, lại nói:

–Thưa Ngài Cù-đàm! Ngài nói Niết-bàn là thường sao?

–Đúng vậy! Thưa Phạm chí!

Bà-tư-tra nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài sẽ chẳng nói không phiền não là Niết-bàn chăng?

–Đúng vậy! Thưa Phạm chí!

Bà-tư-tra nói:

–Thưa Cù-đàm! Thế gian có bốn thứ gọi là không: Một là pháp chưa xuất hiện thì gọi đó là không, như bình mà khi đất bùn chưa làm ra thì gọi là không có bình. Hai là pháp đã diệt thì gọi đó là không, như bình vỡ rồi thì gọi là không có bình. Ba là cái tướng khác nhau, không lẫn lộn gọi là không, như trong trâu không có ngựa, trong ngựa không có trâu. Bốn là rốt ráo không nên gọi đó là không, như lông rùa, sừng thỏ. Thưa Cù-đàm! Nếu vì trừ phiền não rồi mà gọi là Niết-bàn thì Niết-bàn tức là không. Nếu đó là không thì sao nói có thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như vậy Niết-bàn chẳng phải trước không đồng với khi đất bùn chưa là bình. Cũng chẳng phải “diệt không” đồng với cái không của bình vỡ. Cũng chẳng phải rốt ráo không như lông rùa sừng thỏ. Niết-bàn đồng với “khác không”. Này thiện nam! Như lời ông nói, thì tuy trong trâu không có ngựa, nhưng chẳng thể nói, trâu cũng không. Tuy trong ngựa không có trâu nhưng cũng chẳng thể nói ngựa cũng là không. Niết-bàn cũng vậy, trong phiền não không Niết-bàn, trong Niết-bàn không phiền não. Vậy nên gọi là không lẫn lộn tướng khác.

Bà-tư-tra nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu cho cái khác không là Niết-bàn thì phạm khác không là không thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy sao Ngài nói Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói thì cái khác không này có ba thứ không: Trâu, ngựa đều là trước không sau có, đó gọi là trước không. Đã có rồi trở lại không, đó gọi là hoại không. Còn cái tướng khác không thì như lời ông nói. Này thiện nam! Ba thứ không này, trong Niết-bàn không có. Vậy nên Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh. Như người bệnh của thế gian: Một là bệnh nóng, hai là bệnh gió, ba là bệnh lạnh. Ba thứ bệnh này có ba thứ thuốc có thể trị liệu. Người có bệnh nóng thì váng sữa có thể trị khỏi. Người có bệnh gió thì dầu có thể trị khỏi. Người có bệnh lạnh thì mật có thể trị khỏi. Ba thứ thuốc này có thể trị liệu ba thứ bệnh như vậy.

Này thiện nam! Trong gió không có dầu, trong dầu không có gió, cho đến trong mật không có lạnh, trong lạnh không có mật. Vậy nên có thể trị. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, có ba thứ bệnh: Một là tham, hai là sân, ba là si. Ba bệnh như vậy thì có ba thứ thuốc: Quán bất tịnh có thể trị bệnh tham, quán tâm tử có thể trị bệnh sân, quán trí nhân duyên có thể trừ bệnh si. Này thiện nam! Vì trừ tham nên quán phi tham, vì trừ sân nên quán phi sân, vì trừ si nên quán phi si. Trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc, trong ba thứ thuốc không có ba thứ bệnh. Này thiện nam! Trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Trong ba thứ thuốc không có ba thứ bệnh, vậy nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Bà-tư-tra bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai vì con nói thường và vô thường. Sao gọi là thường? Sao gọi là vô thường?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sắc là vô thường, giải thoát sắc là thường, cho đến thức là vô thường, giải thoát thức là thường. Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể quán từ sắc cho đến thức

chính là vô thường thì phải biết người đó chứng được pháp thường.

Bà-tư-tra bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay đã biết pháp thường và vô thường.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông biết pháp thường và vô thường như thế nào?

Bà-tư-tra bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay biết sắc của con là vô thường, được giải thoát là thường, cho đến thức cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hay thay! Ông nay đã báo đáp thân này.

Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

–Bà-tư-tra này đã chứng quả A-la-hán. Ông hãy đem cho ông ấy ba y và bình bát.

Kiều-trần-như theo đúng lời của Đức Phật dạy, mang cho ông ấy y bát. Bà-tư-tra nhận y bát rồi, nói:

–Thưa Đại đức Kiều-trần-như! Tôi hôm nay nhân tấm thân tặc này được quả báo thiện, cúi xin Đại đức chiều theo ý tôi mà đi đến chỗ Đức Thế Tôn, trình bày đầy đủ nỗi lòng của tôi. Tôi đã là người xấu, xúc phạm đến Đức Như Lai, gọi họ Cù-đàm. Cúi xin Đại đức vì tôi sám hối tội này. Tôi cũng chẳng thể trụ lâu trong tấm thân độc hại. Hôm nay xin vào Niết-bàn.

Kiều-trần-như liền đến chỗ Đức Phật nói như vậy:

–Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo Bà-tư-tra sinh lòng hổ thẹn tự nói mình ngu dại xúc phạm đến Như Lai, gọi họ Cù-đàm, chẳng thể trụ lâu ở tấm thân rắn độc này, hôm nay muốn diệt thân và nhờ con sám hối hộ.

Đức Phật nói:

–Này Kiều-trần-như! Tỳ-kheo Bà-tư-tra đã ở chỗ của vô lượng Đức Phật quá khứ, thành tựu căn lành, hôm nay tiếp nhận lời nói của Ta, theo đúng như pháp mà trụ. Do theo đúng như pháp mà trụ nên chứng được chánh quả. Các ông nên cúng dường thân của ông ấy.

Bấy giờ, Kiều-trần-như nghe Phật dạy rồi, trở lại chỗ thân Bà-tư-tra thiết lễ cúng dường. Vào lúc thiêu đốt thân, Bà-tư-tra làm đủ thứ thần túc. Những ngoại đạo thấy việc này rồi, cao giọng xướng lên: Ông Bà-tư-tra này đã được chú thuật của Sa-môn Cù-đàm. Người này chẳng bao lâu sẽ hơn Sa-môn Cù-đàm kia.

Lúc này, trong chúng lại có ông Phạm chí tên là Tiên Ni nói:

–Thưa Ngài Cù-đàm! Có ngã chẳng?

Đức Như Lai lặng im.

–Thưa Cù-đàm! Không ngã chẳng?

Đức Như Lai im lặng.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy. Đức Phật đều im lặng. Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu tất cả chúng sinh có ngã khắp mọi chỗ tức là một tác giả. Thưa Cù-đàm! Vì sao Ngài im lặng chẳng đáp?

Đức Phật nói:

–Này Tiên Ni! Ông nói ngã cùng khắp tất cả chỗ chẳng?

Tiên Ni đáp:

–Thưa Cù-đàm! Chẳng chỉ mình tôi nói mà tất cả kẻ trí cũng nói như vậy.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu ngã cùng khắp tất cả chỗ thì đáng lẽ phải năm đường thọ báo cùng một lúc. Nếu có năm đường thọ báo một lúc thì Phạm chí các ông vì nhân duyên gì chẳng tạo tác mọi sự ác để ngăn chặn địa ngục? Tu các pháp thiện để thọ thân trời?

Tiên Ni đáp:

–Thưa Cù-đàm! Trong pháp của chúng tôi thì ngã có hai thứ: một là ngã của thân tạo tác, hai là ngã của thân thường hằng. Vì ngã của thân tạo tác nên tu lìa khỏi pháp ác để chẳng vào địa ngục, tu các pháp thiện để sinh lên trời.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Như ông nói ngã khắp tất cả chỗ. Ngã như vậy nếu ở trong thân tạo tác thì phải biết là vô thường, còn nếu thân

tạo tác không có thì làm sao nói khắp được?

–Thưa Cù-đàm! Ngã mà chúng tôi lập nên, ngã cũng ở trong đó tạo tác, cũng là pháp thường. Thưa Cù-đàm! Như người khi bị cháy nhà, người chủ nhà ấy ra khỏi thì chẳng thể nói là nhà cửa bị cháy, thì chủ cũng bị thiêu. Pháp của tôi cũng vậy, thân tạo tác này tuy là vô thường nhưng ngay khi đang vô thường thì ngã ra khỏi. Vậy nên ngã của tôi cũng cùng khắp cũng thường hằng.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, ngã cũng cùng khắp, cũng thường hằng, thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì cùng khắp có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Lại có hai thứ nữa: Một là sắc, hai là vô sắc. Vậy nếu nói, có khắp tất cả, thì cũng là thường, cũng vô thường, cũng sắc, cũng vô sắc. Nếu nói chủ nhà được ra khỏi nên chẳng gọi là vô thường thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nhà chẳng gọi là chủ, chủ chẳng gọi là nhà. Vì cái cháy khác, cái ra khỏi khác nên được như vậy, ngã thì chẳng vậy. Vì sao? Vì ngã tức là sắc, sắc tức là ngã, vô sắc tức là ngã, ngã tức là vô sắc thì làm sao mà nói khi sắc vô thường thì ngã được ra? Này thiện nam! Ý ông nếu cho là tất cả chúng sinh đồng một ngã thì như vậy tức là trái với pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Vì sao? Vì pháp thế gian gọi cha, mẹ, con trai, con gái mà nếu ngã là một thì cha tức là con trai, con trai tức là cha, mẹ tức là con gái, con gái tức là mẹ, oán tức là thân, thân tức là oán, đây tức là đó, đó tức là đây. Vậy nếu nói tất cả chúng sinh đồng một ngã thì điều đó liền trái ngược với pháp thế gian và pháp xuất thế gian.

Tiên Ni thưa:

–Tôi cũng chẳng nói tất cả chúng sinh đồng một ngã mà nói mỗi người đều có một ngã.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Nếu nói mỗi người đều có một ngã thì đó là nhiều ngã. Nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì như ông trước đã nói, ngã cùng khắp tất cả. Nếu ngã cùng khắp tất cả thì gốc nghiệp của tất cả chúng sinh đáng lẽ đồng nhau: Khi trời thấy được thì Phật



cũng thấy được, khi trời làm được thì Phật cũng làm được, khi trời nghe được thì Phật cũng nghe được. Tất cả các pháp đều cũng như vậy. Còn nếu trời thấy được chẳng phải Phật thấy được thì chẳng nên nói ngã cùng khắp tất cả chỗ, nếu chẳng cùng khắp thì đó là vô thường.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngã của tất cả chúng sinh cùng khắp tất cả, pháp cùng phi pháp chẳng cùng khắp tất cả. Do nghĩa này nên Phật làm được khác, trời làm được khác. Vậy nên thưa Cù-đàm! Chẳng nên nói, khi Phật thấy được thì đáng lẽ trời cũng thấy được, khi Phật nghe được thì trời đáng lẽ cũng nghe được.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Pháp cùng phi pháp chẳng phải là nghiệp tạo tác chẳng?

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Chính là do nghiệp tạo tác.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu pháp và phi pháp là do nghiệp tạo tác tức là đồng pháp thì sao nói khác? Vì sao? Vì chỗ nghiệp Phật được thì có ngã của trời, chỗ nghiệp của trời được thì có ngã của Phật. Vậy nên khi làm Phật thì cũng làm trời. Pháp và phi pháp lẽ ra cũng như vậy. Này thiện nam! Vậy nên tất cả chúng sinh, pháp cùng phi pháp nếu như vậy thì quả báo thọ nhận cũng nên chẳng khác. Này thiện nam! Từ hạt sinh ra quả thì hạt này nhất định chẳng suy nghĩ phân biệt: Ta chỉ tạo tác quả Bà-la-môn, chẳng tạo tác quả Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà. Vì sao? Vì từ hạt sinh ra quả thì hoàn toàn chẳng ngăn ngại. Bốn dòng họ như vậy thì pháp cùng phi pháp cũng như vậy, chẳng thể phân biệt, ta chỉ tạo tác quả Phật, chẳng tạo tác quả cùng được trời tác quả, hay tạo tác quả trời, chẳng tạo tác quả Phật. Vì sao? Vì nghiệp bình đẳng.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ví như một ngôi nhà có trăm ngàn ngọn đèn. Bấc đèn tuy có khác nhưng ánh sáng thì không sai khác. Bấc đèn

khác biệt dụ cho pháp và phi pháp. Ánh sáng những ngọn đèn ấy không sai khác dụ cho ngã của chúng sinh.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Ông nói ánh sáng của đèn dụ cho ngã thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nhà khác và đèn khác. Ánh sáng của đèn này cũng ở tại bắc đèn, mà cũng sáng cùng khắp trong nhà. Theo lời nói của ông, ngã nếu như vậy thì bên pháp và phi pháp đều nên có ngã và trong ngã cũng nên có pháp và phi pháp. Nếu pháp và phi pháp không có ngã thì chẳng thể nói ngã cùng khắp tất cả chỗ, mà nếu có thì sao lại dùng ánh sáng của bắc đèn làm ví dụ? Này thiện nam! Nếu ý ông cho là bắc đèn cùng ánh sáng thật khác biệt thì vì nhân duyên gì bắc đèn tăng thì ánh sáng tỏ, bắc đèn khô thì ánh sáng tắt. Vậy chẳng nên đem pháp và phi pháp dụ cho bắc đèn, ánh sáng không sai khác dụ cho ngã. Vì sao? Vì pháp, phi pháp và ngã ba việc tức là một.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài dẫn ra cái ví dụ về đèn thì việc này chẳng tốt. Vì sao? Vì cái dụ về đèn nếu tốt thì tôi đã dẫn ra trước rồi. Như dụ ấy chẳng tốt thì vì sao Ngài lại nói?

–Này thiện nam! Sự dẫn dụ của Ta đều chẳng làm cho tốt, vì chẳng tốt nên theo ý của ông nói. Dụ này cũng nói lia khỏi bắc đèn có ánh sáng tức là bắc đèn có ánh sáng. Tâm ông chẳng bình đẳng nên nói bắc đèn dụ cho pháp và phi pháp, ánh sáng dụ cho ngã. Vậy nên Ta trách ông về điểm bắc đèn tức là ánh sáng, lia bắc đèn có ánh sáng. Pháp tức có ngã, ngã tức có pháp, phi pháp tức ngã, ngã tức phi pháp. Ông nay vì sao chỉ thọ nhận một bên, còn một bên chẳng thọ nhận? Dụ như vậy thì đối với ông chẳng tốt. Vậy nên Ta nay trở lại lấy nó để dạy ông. Này thiện nam! Dụ như vậy tức là chẳng phải dụ. Cái chẳng phải dụ này đối với Ta thì tốt còn đối với ông chẳng tốt. Này thiện nam! Theo ý của ông cho là nếu Ta chẳng tốt thì ông cũng chẳng tốt, nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì thấy người thế gian dùng dao mình hại mình, mình làm người khác hưởng. Sự dẫn dụ của ông cũng như vậy, đối với Ta thì tốt còn đối với ông

chẳng tốt.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Trước Ngài trách tôi, lòng chẳng bình đẳng, nay lời nói của Ngài cũng chẳng bình đẳng. Vì sao? Thưa Ngài Cù-đàm! Vì hôm nay Ngài đem cái tốt hướng về mình, đem cái chẳng tốt hướng về phía tôi. Do đó suy ra quả thật là chẳng bình đẳng.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Như cái bất bình đẳng của Ta có thể phá cái bất bình đẳng của ông. Vậy nên ông bình đẳng mà Ta bất bình đẳng là tốt. Sự bất bình đẳng của Ta phá sự bất bình đẳng của ông khiến cho ông được bình đẳng tức là Ta bình đẳng. Vì sao? Vì đồng với các Thánh nhân được bình đẳng.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Tôi luôn là bình đẳng mà sao Ngài nói, phá hoại cái bất bình đẳng của tôi. Tất cả chúng sinh bình đẳng có ngã mà sao Ngài nói, tôi là bất bình đẳng?

–Này thiện nam! Ông cũng nói, sẽ thọ địa ngục, sẽ thọ ngã quỷ, sẽ thọ súc sinh, sẽ thọ trời, người. Nếu ngã trước đã cùng khắp trong năm đường thì vì sao nói là sẽ thọ các đường? Ông cũng nói, cha mẹ hòa hợp sau đó sinh ra con. Nếu con trước đã có thì sao lại nói, hòa hợp rồi mới có? Vậy nên một người có thân ở năm đường. Nếu năm chỗ này trước đã có thân thì vì nhân duyên gì mà vì thân tạo nghiệp? Vậy nên chẳng bình đẳng. Này thiện nam! Theo ý ông nếu cho ngã chính là tác giả thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu ngã là tác giả thì vì nhân duyên gì tự tạo ra việc khổ? Nhưng nay chúng sinh quả thật có chịu khổ, vậy nên phải biết ngã chẳng phải là tác giả. Nếu nói, khổ này chẳng phải là do ngã tạo ra, chẳng từ nhân duyên sinh thì tất cả các pháp cũng phải như vậy, chẳng từ nhân duyên sinh, vậy vì nhân duyên gì mà nói ngã tạo tác? Này thiện nam! Khổ vui của chúng sinh quả thật từ nhân duyên. Như vậy khổ vui có thể tạo ra lo, mừng. Khi lo thì không có mừng, khi mừng thì không lo. Hoặc lo, hoặc mừng thì người trí sao nói là thường được? Này thiện nam! Ông nói ngã là thường. Nếu là thường thì sao

nói có mười thời gian khác biệt. Pháp thường chẳng nên có thời thụ thai cho đến lúc già. Pháp thường như hư không còn không một thời kỳ hưởng gì là có mười thời. Nay thiện nam! Ngã chẳng phải là thời thụ thai cho đến lúc già thì làm sao nói có mười thời khác biệt? Nay thiện nam! Nếu ngã là tác giả thì ngã này cũng có lúc thịnh, lúc suy, chúng sinh cũng có lúc thịnh lúc suy. Nếu ngã là vậy thì sao gọi là thường? Nay thiện nam! Nếu ngã là tác giả thì sao mỗi người có lanh lợi, có ngu độn khác nhau? Nay thiện nam! Ngã nếu là tác giả thì ngã này có thể tạo tác nghiệp thân, nghiệp miệng, nghiệp ý. Nếu ngã là cái được tạo tác thì sao miệng nói không có ngã? Sao tự nghi ngờ có hay không có ngã? Nay thiện nam! Theo ý ông nếu cho là lia khỏi mắt có sự thấy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu lia khỏi mắt riêng có sự thấy thì cần gì đến mắt này? Cho đến thân căn cũng như vậy. Theo ý ông, nếu cho là ngã tuy có thể thấy nhưng cần phải nhân vào sự thấy của mắt thì nghĩa này cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì như có người nói, hoa Tu-mạn-na có thể đốt cháy cả thôn lớn thì làm sao có thể đốt? Nhân lửa có thể đốt. Ông lập ngã có thể chấp cũng như vậy.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Như người cầm liềm thì có thể cắt cỏ. Ngã nhân nắm căn để thấy, nghe, đến chạm xúc cũng như vậy.

–Nay thiện nam! Người và liềm đều khác. Vậy nên cầm liềm có thể cắt cỏ nhưng rời khỏi căn lại không có ngã khác, thì sao nói ngã nhân các căn có thể có sở tác? Nay thiện nam! Theo ý ông, nếu cho là cầm liềm có thể cắt cỏ, ngã cũng như vậy thì ngã này có tay hay là không có tay? Nếu có tay thì sao chẳng tự cầm, nếu không tay thì sao nói, ngã chính là tác giả? Nay thiện nam! Cái có thể cắt cỏ tức là liềm, chẳng phải ngã, chẳng phải người. Nếu ngã và người có thể cắt thì vì sao phải nhờ vào cái liềm? Nay thiện nam! Người có hai việc làm: Một là nắm cỏ, hai là cầm liềm. Liềm này chỉ có công dụng là cắt. Chúng sinh thấy pháp cũng như vậy, mắt có thể thấy sắc là từ sự hòa hợp sinh ra. Nếu từ nhân duyên hòa hợp mà thấy thì kẻ trí sao lại nói có ngã? Nay thiện nam! Theo ý ông, nếu cho là thân làm, ngã thọ thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì thế gian chẳng

thấy trời tạo nghiệp mà Phật thọ quả. Nếu nói, chẳng phải là thân tạo tác, ngã chẳng phải là nhân thọ thì các ông vì sao từ nhân duyên cầu giải thoát? Thân này của ông trước chẳng phải nhân duyên sinh ra thì được giải thoát rồi đáng lẽ cũng chẳng phải do nhân sinh ra thân. Như thân, tất cả phiền não cũng nên như vậy.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngã có hai thứ: Một là biết, hai là không biết. Ngã không biết có thể được thân. Ngã có biết có thể lìa bỏ thân, giống như cái bình đất đã bị nung rồi mất đi màu sắc cũ lại chẳng sinh trở lại. Phiền não của kẻ trí cũng như vậy, đã hoại diệt rồi nhất định chẳng sinh trở lại.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Cái nói là biết đó là trí có thể biết hay ngã có thể biết? Nếu trí có thể biết thì vì sao nói, ngã là biết? Nếu ngã biết thì vì sao dùng phương tiện cầu đến trí? Theo ý ông, nếu cho là ngã do trí mà biết thì đồng với cái dụ về hoa hư hoại. Này thiện nam! Ví như tánh của cây gai là tự có thể đâm, thì chẳng thể nói, cầm cây gai đâm. Trí cũng như vậy, trí tự có thể biết làm sao nói, ngã nắm trí để biết? Này thiện nam! Như trong pháp của ông, ngã được giải thoát mà không biết ngã có được biết là ngã được giải thoát không? Nếu không biết được thì nên biết vẫn còn như cũ với đầy đủ phiền não. Nếu biết được thì nên biết đã có năm căn. Vì sao? Vì lìa khỏi năm căn lại không có cái biết khác. Nếu đủ các căn thì sao lại gọi là được giải thoát? Nếu nói, ngã này, tánh của nó thanh tịnh lìa khỏi năm căn thì vì sao nói, ngã cùng khắp năm đường? Vì nhân duyên gì mà vì giải thoát nên tu các pháp thiện? Này thiện nam! Ví như có người nhổ gai hư không, ông cũng như vậy. Ngã nếu thanh tịnh thì sao lại nói cắt đứt các phiền não? Theo ý ông, nếu cho là chẳng từ nhân duyên mà chứng được giải thoát thì tất cả súc sinh vì sao chẳng được?

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã thì ai có thể nhớ nghĩ?

Đức Phật bảo Tiên Ni:

–Nếu có ngã thì vì nhân duyên gì lại quên? Nay thiện nam!  
Nếu nhớ nghĩ là ngã thì vì nhân duyên gì mà nhớ nghĩ đến niệm ác?  
Nhớ điều chẳng nên nhớ, chẳng nhớ điều nên nhớ.

Tiên Ni lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã thì ai thấy? Ai nghe?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Bên trong có sáu nhập, bên ngoài có sáu trần, trong ngoài hòa hợp sinh ra sáu thứ thức. Sáu thứ thức này do nhân duyên mà được tên gọi. Nay thiện nam! Ví như lửa nhân cây mà được nên gọi là lửa cây, nhân cỏ mà được nên gọi là lửa cỏ, nhân trấu mà được nên gọi là lửa trấu, nhân phân bò mà được nên gọi là lửa phân bò. Ý thức của chúng sinh cũng như vậy, nhân mắt, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân tác ý gọi là nhãn thức. Nay thiện nam! Như vậy nhãn thức chẳng ở trong mắt cho đến trong tác ý, mà do bốn việc hòa hợp nên sinh ra thức này, cho đến ý thức cũng như vậy. Nếu là nhân duyên hòa hợp nên sinh ra trí thì chẳng nên nói thấy tức là ngã, cho đến xúc tức là ngã. Nay thiện nam! Vậy nên Ta nói, nhãn thức cho đến ý thức, tất cả các pháp tức là huyễn. Sao gọi là như huyễn? Đó là vốn không nay có, đã có rồi trở lại không. Nay thiện nam! Ví như tía tô, bột, mật, gừng, hồ tiêu, cây tất bạt (cây lá lốt) nho, thạch lựu, hạt quỳ hòa hợp lại gọi là viên hoan hỷ. Lìa khỏi sự hòa này thì không có viên hoan hỷ; sáu nhập trong ngoài gọi là chúng sinh, ngã, nhân, sĩ phu, lìa sáu nhập trong ngoài thì không có chúng sinh, ngã, nhân, sĩ phu nào khác.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã thì sao nói ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Nếu nói: Ta thấy, ta nghe mà gọi là có ngã thì vì nhân duyên gì thế gian lại nói, tội của ông làm chẳng phải việc thấy nghe của tôi? Nay thiện nam! Ví như bốn thứ binh hòa hợp gọi là quân. Bốn binh chủng như vậy chẳng gọi là một mà cũng nói là quân ta dũng kiện, quân ta thắng quân kia. Việc tạo tác của sáu nhập

trong ngoài hòa hợp cũng như vậy, tuy chẳng là một nhưng cũng được nói, ta làm, ta chịu, ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Như lời ông nói, trong ngoài hòa hợp thì ai phát ra tiếng: “Ta làm, ta chịu v.v...?”

Đức Phật nói:

–Này Tiên Ni! Từ nhân duyên vô minh ái sinh ra nghiệp, từ nghiệp sinh ra hữu, từ hữu sinh ra vô lượng tâm sở, tâm sinh ra giác quán, giác quán lay động gió, gió theo tâm chạm xúc yết hầu, lưỡi, răng, môi. Chúng sinh điên đảo mà phát ra tiếng: “Ta làm, ta chịu, ta thấy, ta nghe...”. Này thiện nam! Như cái chuông nhỏ trên đầu cây cờ, do nhân duyên gió nên phát ra âm thanh, gió lớn tiếng lớn, gió nhỏ tiếng nhỏ, không có tác giả. Này thiện nam! Ví như sắt nóng ném vào trong nước phát ra đủ thứ âm thanh mà trong đó chân thật không có tác giả. Này thiện nam! Phàm phu chẳng thể suy nghĩ phân biệt việc như vậy nên nói có ta và của ta, ta làm, ta chịu.

Tiên Ni nói:

–Như lời Cù-đàm nói, không có ngã và ngã sở thì vì duyên gì lại nói thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Ta cũng chẳng nói sáu nhập trong ngoài và sáu thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Ta đã tuyên nói, diệt sáu thức do nội ngoại nhập sinh ra thì gọi là thường. Do thường này nên gọi là ngã. Có thường có ngã nên gọi đó là lạc. Thường, ngã, lạc nên gọi đó là tịnh. Này thiện nam! Chúng sinh chán khổ, đoạn trừ nhân của khổ này, tự tại xa lìa thì đó gọi là ngã. Do nhân duyên này nên ta nay tuyên nói thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiên Ni nói:

–Thưa Thế Tôn! Cúi xin đấng Đại Từ vì con tuyên nói. Con phải làm sao để chứng được thường, lạc, ngã, tịnh như vậy?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả thế gian từ trước đến nay đầy đủ đại ngã mạn, luôn tăng trưởng mạn, cũng lại tạo tác nhân của mạn,

ngiệp của mạn. Vậy nên hôm nay họ chịu quả báo của mạn, chẳng thể xa lìa tất cả phiền não, được thưởng, lạc, ngã, tịnh. Nếu các chúng sinh muốn được xa lìa tất cả phiền não thì trước phải lìa khỏi mạn.

Tiên Ni bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Quả đúng như lời dạy của đức Thánh! Con trước có ngã mạn. Do ngã mạn nên xưng hô Đức Như Lai bằng họ Cù-đàm như vậy. Con nay đã lìa khỏi ngã mạn đó nên thành tâm thỉnh cầu pháp. Con làm sao để được thưởng, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta nay sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Này thiện nam! Nếu chẳng phải tự mình, chẳng phải người khác, chẳng phải chúng sinh thì xa lìa được pháp đó.

Tiên Ni bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay đã hiểu biết được chánh pháp nhãn.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông đã biết đã hiểu được chánh pháp nhãn như thế nào?

–Bạch Thế Tôn!! Cái gọi là sắc thì chẳng phải tự mình, chẳng phải người khác, chẳng phải các chúng sinh cho đến thức cũng như vậy. Con quan sát như vậy nên được chánh pháp nhãn. Thưa Thế Tôn! Con nay rất muốn xuất gia tu đạo, cúi xin Thế Tôn cho phép.

Đức Phật dạy:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Tiên Ni tức thời đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, chứng quả A-la-hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm chí họ Ca-diếp lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Thân tức là mạng, thân khác, mạng khác.

Đức Như Lai mặc nhiên. Nói lần thứ hai, lần thứ ba, Đức Như Lai cũng như vậy. Phạm chí lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu người xả thân mà chưa được thân sau thì



ở khoảng trung gian ấy đâu có thể chẳng gọi là thân khác, mạng khác? Nếu là khác thì vì sao Cù-đàm lặng im chẳng đáp?

–Này thiện nam! Ta nói, thân mạng đều từ nhân duyên, chẳng phải chẳng nhân duyên. Như thân mạng, tất cả các pháp cũng như vậy.

Phạm chí lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Tôi thấy thế gian có pháp chẳng từ nhân duyên sinh.

Đức Phật nói:

–Này ông Phạm chí! Ông thấy thế gian có pháp chẳng từ nhân duyên như thế nào?

Phạm chí nói:

–Tôi thấy lửa lớn đốt cháy bụi cây, gió thổi ngọn lửa rơi ở chỗ khác. Đó há chẳng gọi là không nhân duyên sao?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Ta nói lửa này cũng từ nhân duyên sinh, chẳng phải chẳng từ nhân duyên sinh.

Ông Phạm chí nói:

–Thưa Cù-đàm! Khi ngọn lửa lan đi chẳng nhân vào củi than thì vì sao nói, nhân vào nhân duyên được?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tuy không củi than nhưng nhân theo gió mà đi. Do nhân duyên gió nên lửa ấy chẳng tắt.

–Thưa Cù-đàm! Nếu người xả thân mà chưa được thân sau thì thọ mạng trung gian lấy cái gì làm nhân duyên?

Đức Phật nói:

–Này Phạm chí! Lấy vô minh cùng ái làm nhân duyên. Nhờ hai nhân duyên vô minh và ái nên thọ mạng được trụ. Này thiện nam! Có nhân duyên nên thân tức là mạng, mạng tức là thân. Có nhân duyên nên thân khác, mạng khác. Kể trí chẳng nên theo một hướng mà nói là thân khác, mạng khác.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì con phân biệt giảng nói, khiến cho con biết được nhân quả rõ ràng.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm chí! Nhân tức là năm ấm, quả cũng là năm ấm. Này thiện nam! Nếu chúng sinh chẳng đốt lửa thì không có khói.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Con đã biết rồi! Con đã hiểu rồi!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông biết ra sao và hiểu thế nào?

–Thưa Thế Tôn! Lửa tức là phiền não, có thể đốt cháy ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Khói tức là quả báo của phiền não. Nó vô thường, bất tịnh, xú uế đáng ghét nên gọi là khói. Nếu có chúng sinh chẳng khởi phiền não thì người đó không có quả báo phiền não. Vậy nên Như Lai nói, chẳng đốt lửa thì không có khói.

Thưa Thế Tôn! Con đã thấy đúng, cúi xin đức Từ Bi cho phép con xuất gia!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Kiều-trần-như:

–Cho ông Phạm chí này xuất gia thọ giới.

Ông Kiều-trần-như nhận lệnh của Đức Phật rồi, nhóm họp chúng Tăng lại làm lễ cho ông ấy xuất gia, thọ giới Cụ túc, qua năm ngày rồi, đắc quả A-la-hán.

Trong chúng ngoại đạo có ông Phạm chí tên là Phú-na lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Ông thấy thế gian là pháp thường nên nói thường chăng? Nghĩa như vậy thật hay hư? Thường hay vô thường? Hay cũng thường cũng vô thường? Hay chẳng phải thường, chẳng phải vô thường? Hữu biên hay vô biên? Hay cũng hữu biên cũng vô biên? Hay chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên? Thân này là mạng hay thân khác mạng khác? Đức Như Lai sau khi diệt độ đi như vậy hay chẳng đi như vậy? Cũng đi như vậy cũng chẳng đi như vậy? Hay chẳng phải đi như vậy, chẳng phải chẳng đi như vậy?

Đức Phật dạy:

–Này Phú-na! Ta chẳng nói thế gian thường, hư hay thật, là

thường hay vô thường, cũng thường cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Hữu biên vô biên, cũng hữu biên cũng vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Là thân là mạng, thân khác mạng khác. Như Lai sau khi diệt độ, đi như vậy hay chẳng đi như vậy, cũng đi như vậy, cũng chẳng đi như vậy, chẳng phải đi như vậy, chẳng phải chẳng đi như vậy.

Ông Phú-na lại bạch:

–Thưa Cù-đàm! Hôm nay thấy tội lỗi gì mà chẳng nói?

Đức Phật nói:

–Này ông Phú-na! Nếu có người nói, thế gian là thường và chỉ lời này là thật còn những lời nói khác là hư dối thì đó gọi là kiến. Thấy cái chỗ thấy thì đó gọi là kiến hành, đó gọi là kiến nghiệp, đó gọi là kiến trước, đó gọi là kiến phước, đó gọi là kiến khổ, đó gọi là kiến thủ, đó gọi là kiến bố, đó gọi là kiến nhiệt, đó gọi là kiến triền. Này Phú-na! Người phạm phu bị kiến trói buộc nên chẳng thể xa lìa sinh, già, bệnh, chết, trôi lăn trong sáu đường, chịu khổ không lường, cho đến chẳng phải đi như vậy, chẳng phải chẳng đi như vậy cũng như vậy. Này Phú-na! Ta thấy cái kiến này có những lỗi như vậy, vậy nên Ta chẳng chấp trước, chẳng nói cho người.

–Thưa Cù-đàm! Nếu thấy tội lỗi như vậy mà chẳng chấp trước, chẳng nói ra, thì thưa Cù-đàm, hôm nay thấy gì, chấp trước gì, và nói điều gì?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Đã là kiến chấp thì gọi là pháp sinh tử. Như Lai đã lìa khỏi pháp sinh tử nên chẳng chấp trước. Này thiện nam! Như Lai gọi là chủ thể nhận thức, chủ thể thuyết giảng, chẳng gọi là chấp trước.

–Thưa Cù-đàm! Sao gọi là năng kiến? Sao gọi là năng thuyết?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Ta có thể thấy rõ Khổ, Tập, Diệt, Đạo và phân biệt tuyên nói bốn đế này. Ta thấy như vậy nên có thể xa lìa tất cả kiến chấp, tất cả ái, tất cả lưu, tất cả mạn. Vậy nên Ta đầy đủ phạm hạnh thanh, tịnh tịch tĩnh vô thượng, chứng được thân thường

trụ. Thân này cũng chẳng phải là Đông, Tây, Nam, Bắc.

Phú-na nói:

–Thưa Cù-đàm! Vì nhân duyên gì mà thân thường trụ chẳng phải là Đông, Tây, Nam, Bắc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta nay hỏi ông, ông cứ theo ý của mình mà đáp. Ý ông thế nào? Này thiện nam! Như ở trước ông đốt một đồng lửa lớn thì khi đang nhóm đồng lửa ấy, ông có biết nó đang cháy không?

–Biết, thưa Cù-đàm!

–Khi lửa này tắt thì ông có biết nó tắt không?

–Biết, thưa Cù-đàm!

–Này Phú-na! Nếu có người hỏi ông, đồng lửa trước khi đốt từ đâu đến, sau khi tắt đi về đâu thì ông sẽ trả lời như thế nào?

–Thưa Cù-đàm! Nếu có người hỏi thế thì tôi sẽ đáp: “Lửa này khi sinh thì nhờ vào mọi duyên. Duyên cũ đã hết, duyên mới chưa đến thì lửa sẽ tắt”.

–Nếu lại có người hỏi: “Lửa này tắt rồi đi đến phương nào thì ông trả lời như thế nào?”.

–Thưa Cù-đàm! Tôi sẽ đáp: “Duyên hết thì tắt chẳng đến phương nào cả”.

–Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, nếu có sắc vô thường cho đến thức vô thường nhân vào ái mà hình thành. Mà hình thành nghĩa là thọ hai mươi lăm cõi. Vậy nên khi hình thành thì có thể nói là lửa ấy ở Đông, Tây, Nam, Bắc. Hiện tại ái diệt thì quả báo của hai mươi lăm cõi chẳng hình thành. Do chẳng hình thành nên chẳng thể nói lửa có ở Đông, Tây, Nam, Bắc. Này thiện nam! Như Lai đã diệt sắc vô thường cho đến thức vô thường, nên thân thường hằng. Thân nếu là thường thì chẳng nói có Đông, Tây, Nam, Bắc.

Phú-na nói:

–Tôi muốn nói một thí dụ. Xin Ngài cho phép!

Đức Phật nói:

–Hay thay! Hay thay! Tùy ý ông! Hãy nói đi!

–Thưa Thế Tôn! Như bên ngoài ngôi làng có rừng cây Ta-la. Trong rừng có một cây sinh trước, sống đủ một trăm năm. Lúc đó người chủ rừng dùng nước tưới cây này, tùy thời chăm sóc. Khi cây ấy cỗi mục, da dẻ, cành lá đều rơi rụng hết, chỉ phần cốt lõi tồn tại. Như Lai cũng vậy, những thứ cũ mục vốn có đều đã trừ hết, chỉ còn có tất cả pháp chân thật tồn tại. Thưa Thế Tôn! Con nay rất thích xuất gia tu đạo.

Đức Phật dạy:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Phật nói lời này xong, Phú-na tức thời được xuất gia, lậu tận, chứng được quả A-la-hán.

